TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG
&&&

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2020.
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

2/. Ông Huỳnh Khởi.

* Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân huyện Kế Sách.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 491/2019/TLST-HNGĐ ngày 5/12/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số 765/13 ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Trần X**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 765/13 ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày: Năm 2008 chị và anh X được gia đình tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện, sau đó anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 8/7/2010. Quá trình sống chung, anh chị có hai người con chung là cháu Trần Nguyễn Chí B, sinh ngày 12/9/2008 và cháu Trần Nguyễn Thùy D, sinh ngày 6/4/2010, hiện nay hai cháu đang sống với anh chị. Sau thời gian chung sống hạnh

phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh X không lo làm ăn, thường xuyên chữi mắng chị và khi say rượu hay đập phá đồ đạc trong nhà.

Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng để sống chung với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh X, các con muốn sống với ai thì người đó nuôi, nếu sống với chị thì chị không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn anh Trần X trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Thùy L về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung. Anh đồng ý ly hôn với chị L, giao hai con cho chị L nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung anh cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L và anh X được ly hôn, giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, chị L và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh X nên Hội đồng xét xứ căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh X.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Trần X tự nguyện tổ chức lễ cưới và sống chung với nhau vào năm 2008, đến năm 2010 thì anh chị đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 8/7/2010 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị L cho rằng sau một thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh X thiếu quan tâm gia đình, không lo làm ăn, hay chữi mắng chị nên chị xin ly hôn với anh X. Anh X đồng ý ly hôn với chị L. Thấy rằng: hôn nhân giữa chị L với anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay chị L cương quyết yêu cầu ly hôn với anh X. Tại biên bản lấy lời khai ngày 7/01/2020 của Tòa án, anh X đồng ý ly hôn với chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cho anh, chị được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Chị L và anh X có hai con chung là cháu Trần Nguyễn Chí B, sinh ngày 12/9/2008 và cháu Trần Nguyễn Thùy D, sinh ngày 6/4/2010, hiện nay hai

cháu đang sống với anh chị. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu đến trưởng thành, anh X đồng ý giao hai cháu cho chị L nuôi dưỡng, hai cháu có nguyên vọng sống chung với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu B và cháu D cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh X, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy L.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Trần X.

2/. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Chí B, sinh ngày 12/9/2008 và cháu Trần Nguyễn Thùy D, sinh ngày 6/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần X không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần X, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy L và anh Trần X không yêu cầu giải quyết.

6/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001013 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã X, H. K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm